| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NAM ĐÔNG**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 5 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Nhàn Khánh Phú.

2. Bà Hồ Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Nhân Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn 10, xã HX, huyện NĐ, tỉnh TTH.

- Bị đơn: Anh Phạm D, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn 10, xã HX, huyện NĐ, tỉnh TTH.(Chị M, anh D vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Phạm Minh QA, sinh ngày 24/8/2015 là bà Trương Thị Hồng Nhạn - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế vào

ngày 29/5/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà tại thị trấn Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế ở đến năm 2016 thì chuyển lên sinh sống với bà Phan Thị Thân (là mẹ ruột của chị M) tại thôn 10, xã Hương Xuân, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay. Hôn nhân vợ chồng mới đầu có hạnh phúc, đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D thường xuyên đánh bạc, không lo làm ăn để xây dựng cuộc sống gia đình, gia đình nợ của người khác rất nhiều. Vì vậy chị M phải qua Nhật để lao động gửi tiền về trả nợ và nuôi con. Trong thời gian này, anh D vẫn không thay đổi tính tình, ham chơi, thường xuyên xúc phạm chị M. Mâu thuẫn của vợ chồng kéo dài, trầm trọng, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình trạng kéo dài nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không hàn gắn được. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị M khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ly hôn với chồng là anh Phạm D.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên là Phạm Minh QA, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2015. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con mà không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Nếu như trong quá trình giải quyết vụ án mà anh D có đơn hoặc có ý kiến muốn trực tiếp nuôi con chung thì chị đồng ý giao cháu QA để anh D chăm sóc, nuôi dưỡng; nếu anh D yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con thì chị sẽ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị M về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, hôn nhân của vợ chồng là tự nguyên và không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nợ nần; anh D khi đó công việc không ổn định và hai vợ chồng phải nuôi con nhỏ. Năm 2019, chị M xuất khẩu lao động bên Nhật, do vợ chồng xa nhau và không chịu hiểu cho điều kiện sinh sống của nhau nên nảy sinh mâu thuẫn, mỗi lần nói chuyện qua điện thoại là chửi mắng và xúc phạm nhau. Thời gian gần đây chị M có về nước nhưng vợ chồng không sống chung, một mực đòi ly hôn với anh D. Thấy thương con nên anh D nói chị M suy nghĩ lại, cố gắng nhường nhịn nhau và hai bên sẽ cố gắng thay đổi. Còn về việc chị M nói là anh D ham chơi, không chịu làm ăn là không đúng. Khi chị M sang Nhật, anh D ở nhà vừa chăm sóc con và vừa phải đi làm, thêm vào đó mấy năm dịch bệnh nên không ai thuê anh lái xe. Việc chị M quyết định ly hôn với anh D, anh đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung như chị M trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Minh QA đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh có yêu cầu nuôi dưỡng cháu QA là trong thời gian mẹ cháu sang bên Nhật, mọi sinh hoạt và học tập của cháu đều do anh D chăm lo; cháu đã quen có anh D bên cạnh. Ngoài ra, chị M hiện đang xuất khẩu lao động bên Nhật; bà ngoại cháu đã có tuổi,

thường hay đau ốm nên không để cháu cho bà ngoại chăm sóc được. Anh D hiện nay làm nghề lái xe, thu nhập ổn định và theo nguyện vọng của cháu là mong muốn ở với anh D.

Về tài sản và nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bà Trương Thị Hồng Nhạn - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Phạm Minh QA trình bày:*

Trong thời gian chị M đi làm ăn xa, cháu QA do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Qua xác minh tại trường học, giáo viên chủ nhiệm của cháu QA cho biết: Quá trình học tập của cháu QA tại trường đều do anh D là người trực tiếp đưa đón cháu đi học, nộp học phí và các khoản thu khác của trường cho cháu; hiện tại kết quả học tập của cháu ở lớp đều hoàn thành tốt các chương trình giáo dục. Theo ý kiến của cháu QA, thì cháu có nguyện vọng được ở với anh D. Ngoài ra, anh D hiện làm nghề lái xe có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi con. Do đó, yêu cầu Tòa án xem xét, quyết định giao cháu Phạm Minh QA, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2015 cho anh Phạm D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đã thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D xác định đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con nên không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Trợ giúp viên không có ý kiến gì thêm.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị M, chị M được ly hôn với anh Phạm D; về con chung: Giao cháu Phạm Minh QA cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, nợ chung: Do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phạm D, sinh năm 1987; Nơi thường trú: Thôn 10, xã Hương Xuân, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị M đã đề nghị không tiến hành hòa giải; đồng thời nguyên đơn chị Phạm Thị M và bị đơn anh Phạm D đều có đơn xét xử vắng mặt do bận công việc. Tuy nhiên, đương sự đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Phạm D tự nguyện kết hôn vào ngày 29 tháng 5 năm 2014, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của chị M và anh D là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà tại thị trấn Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2016 thì chuyển lên sinh sống với bà Phan Thị Thân (là mẹ ruột của chị M) tại thôn 10, xã Hương Xuân, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không có biện pháp khắc phục nên chị M làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh D, xét thấy vợ chồng chị M, anh D phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, chị M ra nước ngoài làm ăn, vợ chồng mỗi người sống ở một nơi, không còn quan tâm tới nhau. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Qua xác minh người thân đang sống chung với vợ chồng chị M và anh D thì được biết mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không có khả năng để cải thiện, mục đích hôn nhân giữa chị M và anh D không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị M được ly hôn anh Phạm D.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Phạm D có 01 người con chung là Phạm Minh QA, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2015. Xét theo yêu cầu của chị M và anh D về nuôi con, Hội đồng xét xử thấy: Khi giải quyết việc ly hôn, cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng. Tại biên bản tự khai của chị M, chị trình bày "nếu anh D có yêu cầu nuôi con thì chị đồng ý giao con cho anh D nuôi dưỡng và sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng/01 tháng". Theo kết quả xác minh thực tế, sau khi chị M đi xuất khẩu lao động bên Nhật Bản thì mọi sinh hoạt và học tập của cháu QA đều do anh D trực tiếp chăm lo, hiện nay chị M đang đang làm việc bên Nhật nên thời gian để nuôi dưỡng, quan tâm chăm sóc người con chung sẽ không được đảm bảo. Ngoài ra, theo nguyện vọng của cháu Phạm Minh QA, cháu

có nguyện vọng được ở với ba là anh Phạm D. Hơn nữa, ở lứa tuổi của cháu hiện nay cần có sự quan tâm, giám sát chặt chẽ của gia đình để tránh những tác động tiêu cực có thể xảy ra. Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu QA cho anh Phạm D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu QA theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D về việc không yêu cầu chị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh D không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông; quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Phạm Minh QA của Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị M

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Phạm D (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2014 ngày 29/5/2014 do Ủy ban nhân dân phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp).

- Về con chung: Giao cháu Phạm Minh QA, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2015 cho anh Phạm D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của anh D về việc không yêu cầu chị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002653 ngày 22/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị Phạm Thị M đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị M và bị đơn Phạm D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Mạnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Hương** **Nguyễn Nhàn Khánh Phú** **Nguyễn Văn Mạnh**